

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 26/3/2019
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Các Thẩm phán: Bà Lương Hải Yến

Bà Đỗ Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình: Bà Bùi Thị Thúy Hằng -

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc *Tranh chấp Hôn nhân gia đình*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 60/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị T1** – sinh năm 1987.

Địa chỉ nơi ĐKKHKT: thôn T, xã Đ, thành phố T3, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ nơi ở hiện nay: Thôn K, xã Y, huyện Y1, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Tiến T2** – sinh năm 1986.

Địa chỉ nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: thôn T, xã Đ, thành phố T3, tỉnh Thái Bình.

3. Người kháng cáo: Anh Phạm Tiến T2 - Bị đơn.

(Chị T1 và anh T2 đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – Chị Hoàng Thị T1 trình bày:

Chị và anh Phạm Tiến T2 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố T3, tỉnh Thái Bình ngày 25/12/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau, nhiều lần chị bị anh T2 đánh làm cho cuộc sống ngày càng căng thẳng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng nên đến ngày 15/9/2017 chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã Y, huyện Y1, tỉnh Ninh Bình sinh sống, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T2.

Về con chung: Chị và anh T2 có 01 con chung là Phạm Hồng D, sinh ngày 01/8/2013, hiện đang ở cùng anh T2. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Hồng D, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị là lao động tự do (buôn bán hàng may mặc), thu nhập bình quân từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/tháng, bố mẹ chị sẽ hỗ trợ chị trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con, chị có đủ điều kiện để nuôi con, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con.

Về tài sản chung: Chị và anh T2 không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, cũng không có tài sản cho người khác vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T2 nhiều lần nhưng anh T2 đều không có mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc chị T1 xin ly hôn anh.

Ông Phạm Văn B - Trưởng thôn T, xã Đ, thành phố T3, tỉnh Thái Bình cung cấp thông tin như sau:

Anh Phạm Tiến T2 và chị T1 sinh sống tại địa chỉ trên, trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, đã nhiều lần chị T1 báo cho thôn và chính quyền địa phương về việc bị anh T2 đánh, cán bộ thôn đã nhiều lần tiến hành hòa giải. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị T1 và anh T2 là do anh T2 chơi cờ bạc, lô đề, hay uống rượu, không chí thú làm ăn. Đến tháng 9/2017, chị T1 về nhà bố mẹ đẻ tại Ninh Bình sinh sống đến nay. Việc chị T1 và anh T2 đoàn tụ hay ly hôn là do hai người quyết định, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị T1 và anh T2 có 01 con chung là Phạm Hồng D, sinh ngày 01/8/2013, hiện đang ở cùng anh T2. Anh T2 là lao động tự do, công việc và thu nhập không ổn định nên chị T1 có điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con tốt hơn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Chị T1 và anh T2 không có tài sản chung, không nợ gì đối với cá nhân, tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 147, 203, 235, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T1 được ly hôn anh Phạm Tiến T2.

2. Về nuôi con chung: Xử giao con Phạm Hồng D, sinh ngày 01/8/2013 cho chị Hoàng Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị T1 không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng cho con.

Chị T1 và anh T2 có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra án còn tuyên về yêu cầu thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/12/2018 anh Phạm Tiến T2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì anh không đồng ý ly hôn chị T1 và cũng không đồng ý giao con Phạm Hồng D cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng vì anh có đủ điều kiện để nuôi con và trong thời gian anh kháng cáo thì chị T1 đã sinh thêm 01 con trai.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T1 khai: ngày 10/12/2018, chị đã sinh được 1 con trai tên là Phạm Hoàng Gia B1. Chị T1 và anh T2 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn; không thể đoàn tụ được. Chị T1 và anh T2 thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và đề nghị Tòa án công nhận, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T1 và anh T2 thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị T1 và anh T2 có 02 con chung là Phạm Hồng D, sinh ngày 01/8/2013 và Phạm Hoàng Gia B1 sinh ngày 10/12/2018. Chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Hoàng Gia B1, anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Hồng D. Chị T1 và anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T1 và anh T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

Về tài sản: Chị T1 và anh T2 không có tài sản chung và nợ chung.

Về án phí: Chị T1 chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh T2 chịu 300.000 đồng án phí ly hôn phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu tại phiên tòa: Quá trình thực hiện tố tụng của Hội đồng xét xử, các đương sự đảm bảo đúng pháp luật và đề nghị: áp dụng Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Mặc dù anh T2 cho rằng thông tin mà ông Phạm Văn B - Thôn trưởng thôn T, xã Đ, thành phố T3, tỉnh Thái Bình là không chính xác, nhưng theo “Đơn trình báo” ngày 4/3/2019 và lời khai của anh T2 tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện: Trong thời gian chung sống, giữa anh và chị T1 có xảy ra mâu thuẫn, mặc dù đang mang thai nhưng chị T1 đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh đã nhiều lần cùng gia đình sang nhà bố mẹ đẻ chị T1 để tìm chị T1 nhưng gia đình chị T1 cố tình che giấu địa chỉ của chị T1. Ngày 14/2/2019 anh cùng gia đình sang Ninh Bình thăm mẹ con chị T1 nhưng chị T1 không cho gặp con và hai bên đã cãi cọ với nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T1 và anh T2 đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T1 ly hôn anh T2 và giao con Phạm Hồng D cho chị T1 trực tiếp nuôi là có căn cứ.

Việc chị T1 sinh con Phạm Hoàng Gia B1 sinh ngày 10/12/2018 là vấn đề mới phát sinh, chị T1 và anh T2 đều xác định cháu Phạm Hoàng Gia B1 là con chung. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T1 và anh T2 đã thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ vụ án như đã nêu trên.

Sự thỏa thuận giữa anh T2, chị T1 tại phiên tòa phúc thẩm là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; công nhận sự thỏa thuận giữa chị Hoàng Thị T1 và anh Phạm Tiến T2, cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T1 và anh Phạm Tiến T2 thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị Hoàng Thị T1 và anh Phạm Tiến T2 có 02 con chung là Phạm Hồng D sinh ngày 01/8/2013 và Phạm Hoàng Gia B1 sinh ngày 10/12/2018. Chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Hoàng Gia B1, anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Hồng D. Chị T1, anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T1 và anh T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

3. Về tài sản: Chị Hoàng Thị T1 và anh Phạm Tiến T2 không có tài sản chung và nợ chung.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T1 chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng chị T1 đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai số 0007170 ngày 15 tháng 8 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình thành án phí.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: anh T2 chịu 300.000 đồng án phí ly hôn phúc thẩm. Chuyển 300.000 đồng anh T2 đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai số 0007376 ngày 20 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình thành án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 26/3/2019.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TA, THA thành phố Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu HC-TP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh